

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2838/QĐ-TCQLTT ngày 30/12/2022 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang (Đính kèm biểu số 2).

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế và Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Tổng cục QLTT (đề b/c);
- Như điều 2;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TCHC.



CỤC TRƯỞNG

[Handwritten signature in blue ink]

Biểu số 2

Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang

Chương: 016



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-QLTTKG ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341	20.117
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	16.250
1.2	Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:	3.867
	<i>Lương lao động hợp đồng</i>	1.467
	<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	0
	<i>Kinh phí thuê trụ sở làm việc, kho hàng</i>	180
	<i>Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính)</i>	2.220
	<i>Kinh phí hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả</i>	
	<i>Ban chi đạo 389 ngành</i>	